

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-NV

Tuy Phước, ngày tháng năm 2023

V/v báo cáo kết quả thực hiện
Luật Thanh niên giai đoạn 2021-
2023 và Chương trình phát triển
thanh niên năm 2023

Kính gửi:

- Công an huyện;
- Ban Chỉ huy Quân sự huyện;
- Huyện đoàn;
- Trung tâm Y tế huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 1735/SNV-XDCQ&CTTN ngày 04/10/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Bình Định về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên giai đoạn 2021-2023 và Chương trình phát triển thanh niên năm 2023 (*đính kèm*), Chủ tịch UBND huyện yêu cầu:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, nội dung đề cương báo cáo và các biểu mẫu, báo cáo kết quả thực hiện Luật Thanh niên giai đoạn 2021-2023 và Chương trình phát triển thanh niên huyện Tuy Phước năm 2023 (*theo Phụ lục Đề cương báo cáo và các biểu mẫu đính kèm*) và gửi về Ủy ban nhân dân huyện (*qua Phòng Nội vụ*) trước ngày **01/11/2023** để kịp thời tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ.

2. Giao Phòng Nội vụ huyện theo dõi, đôn đốc việc thực hiện báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tổng hợp, tham mưu báo cáo cho UBND huyện để báo cáo Sở Nội vụ đúng thời gian quy định.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Tân); | b/c
- Phòng Nội vụ huyện;
- Lưu: VT, K2.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hùng Tân

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày / /2023 của UBND huyện)

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THANH NIÊN VÀ CÔNG TÁC THANH NIÊN

1. Nêu các số liệu cơ bản về thanh niên (số liệu tính đến tháng 11/2023)

1.1. Tổng số thanh niên

1.2. Tổng số đoàn viên

1.3. Phân tích cơ cấu thanh niên

- Thanh niên là học sinh, sinh viên
- Thanh niên là cán bộ, giáo viên, giảng viên trẻ
- Thanh niên nông thôn
- Thanh niên đô thị
- Thanh niên là công nhân
- Thanh niên là người dân tộc thiểu số
- Thanh niên trong lực lượng vũ trang
- Cơ cấu khác.

2. Đánh giá chung về tình hình thanh niên: Nêu các số liệu về tổ chức thanh niên, tổ chức bộ máy quản lý về công tác thanh niên, những thuận lợi, khó khăn trong công tác thanh niên của sở, ban, ngành, địa phương.

3. Các nội dung khác có liên quan.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH NIÊN

1. Công tác chỉ đạo

1.1. Việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2021-2030 và các bản bản triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên hằng năm.

1.2. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng của sở, ban, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện.

1.3. Việc bố trí kinh phí, nguồn lực thực hiện.

1.4. Công tác kiểm tra, đôn đốc đánh giá việc thực hiện tại sở, ban, ngành, địa phương.

1.5. Các nội dung khác trong công tác chỉ đạo.

2. Công tác tuyên truyền

2.1. Nội dung, hình thức, đối tượng tuyên truyền

2.2. Kết quả đạt được

III. Kết quả thực hiện Luật thanh niên và các chính sách về thanh niên giai đoạn 2021-2023

1. Kết quả triển khai Luật thanh niên

1.1. Kết quả thực hiện Tháng Thanh niên

a) Chủ đề Tháng Thanh niên các năm 2021, 2022, 2023

b) Đánh giá chung kết quả đạt được (kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế).

c) Cơ chế, chính sách, nguồn lực để tổ chức hoạt động Tháng Thanh niên

1.2. Kết quả công tác đối thoại với thanh niên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị định số 13/2021/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ.

a) Chủ đề đối thoại các năm

b) Lãnh đạo tham gia đối thoại

c) Đối tượng tham gia đối thoại

d) Kết quả đối thoại

đ) Kết quả giải quyết kiến nghị của thanh niên

1.3. Kết quả thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với chính sách pháp luật về thanh niên.

a) Nội dung, hình thức

c) Đánh giá chung (ưu điểm, hạn chế)

1.4. Kết quả thực hiện hoạt động đối ngoại thanh niên

2. Kết quả thực hiện chính sách về thanh niên giai đoạn 2021-2023

2.1. Chính sách về học tập, nghiên cứu khoa học

2.2. Chính sách về lao động, việc làm

2.3. Chính sách về khởi nghiệp

2.4. Chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe

2.5. Chính sách về văn hóa, thể dục, thể thao

2.6. Chính sách về bảo vệ Tổ quốc

2.7. Chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện¹

¹ Công văn số 1486/UBND-NC ngày 26/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức, quản lý hoạt động tình nguyện và thực hiện chính sách cho thanh niên tham gia các hoạt động tình nguyện và Công văn số 2483/UBND-NC ngày

- 2.8. Chính sách đối với thanh niên là người dân tộc thiểu số
- 2.9. Chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi²
- 2.10. Các chính sách khác nếu có

IV. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh niên và Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bình Định năm 2023

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu, mục tiêu trong chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bình Định

1.1. Mục tiêu 1: Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên.

1.2. Mục tiêu 2: Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng; hỗ trợ, tạo điều kiện để thanh niên học tập, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo: hình thức, nội dung, kinh phí thực hiện.

1.3. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho thanh niên; phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao.

1.4. Mục tiêu 4: Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho thanh niên.

1.5. Mục tiêu 5: Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho thanh niên.

1.6. Mục tiêu 6: Vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

(Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể và kết quả đạt được ở từng chỉ tiêu, mục tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện tại Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 15/3/2023).

2. Kết quả việc thu hút, tuyển dụng công chức, viên chức theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

3. Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; đối với thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam theo Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, đề án của Chương trình phát triển thanh niên được Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 và Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 15/3/2023 của Ủy

06/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định 17/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện.

² Công văn số 2491/UBND-NC ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 13/NĐ-CP ngày 01/3/2021 của Chính phủ quy định về đối thoại với thanh niên; cơ chế chính sách và biện pháp thực hiện chính sách đối với thanh niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

ban nhân dân tỉnh Bình Định về thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bình Định năm 2023.

5. Kết quả việc xây dựng phương án và bố trí, sắp xếp đối với đội viên Dự án 500 trí thức trẻ (*đối với các đơn vị thuộc phạm vi Đề án 500*).

IV. Xây dựng và thực hiện các mô hình, điển hình tiên tiến (nếu có)

V. Đánh giá chung

1. Mặt được;
2. Tồn tại, hạn chế;
3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.

VI. Kiến nghị, đề xuất và một số phương hướng nhiệm vụ trọng tâm của năm tiếp theo.

Biểu số 3.1: Công tác ban hành văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**Văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Bình Định
và các nhiệm vụ liên quan đến công tác thanh niên từ năm 2021 đến năm 2023**
(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)

STT	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Cơ quan ban hành	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							

Biểu số 3.2 Báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****DANH SÁCH THU HÚT, TẠO NGUỒN, CÁN BỘ TỪ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC NĂM 2023***(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)*

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trường đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	Thành tích học tập					Thành tích, giải thưởng nghiên cứu khoa học	Ghi chú	
		Nam	Nữ							Cuộc thi lựa chọn học sinh giỏi			Cuộc thi khoa học kỹ thuật				Cuộc thi Ô-lym-pic
										Quốc tế	Cấp quốc gia	Cấp tỉnh	Quốc tế	Quốc gia			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
1.																	
2.																	
3.																	
....																	
TỔNG CỘNG																	

Ghi chú: Chỉ báo cáo sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, có độ tuổi theo quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP tính đến thời điểm báo cáo.

Biểu số 3.3 Báo cáo kết quả thực hiện chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ cán bộ khoa học trẻ

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

DANH SÁCH CÁN BỘ KHOA HỌC TRẺ NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trường đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp đại học	Thành tích học tập					Thành tích, giải thưởng nghiên cứu khoa học	Ghi chú		
		Nam	Nữ							Cuộc thi lựa chọn học sinh giỏi		Cuộc thi khoa học kỹ thuật		Cuộc thi Ô-lim-píc				
										Quốc tế	Cấp quốc gia	Cấp tỉnh	Quốc tế				Quốc gia	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
I	Trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học ⁽¹⁾																	
1.																		
2.																		
II	Trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học ⁽²⁾																	
1.																		
2.																		
TỔNG CỘNG																		

Ghi chú: ⁽¹⁾ Chỉ báo cáo số lượng cán bộ khoa học trẻ có trình độ thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp I, bác sĩ nội trú, dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành y học, dược học trong độ tuổi quy định tại Điều 1 Luật Thanh niên tính đến thời điểm tuyển dụng, tốt nghiệp đại học loại khá trở lên và đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP;

⁽²⁾ Chỉ báo cáo cán bộ khoa học trẻ có trình độ tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp II, dược sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành y học, dược học trong độ tuổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ (sửa đổi Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ) tính đến thời điểm tuyển dụng và đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 140/2017/NĐ-CP.

Biểu số 3.5 Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện chính sách thu hút, tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU HÚT, TUYỂN DỤNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP XUẤT SẮC, CÁN BỘ KHOA HỌC TRẺ
NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)

STT	Họ và tên	Số lượng hồ sơ dự tuyển					Kết quả xét tuyển
		Tổng số	Trong đó				
			Nam	Nữ	Hồ sơ đáp ứng tiêu chuẩn,	Hồ sơ không đáp ứng tiêu chuẩn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I.	Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc						
II.	Cán bộ khoa học trẻ						
1.	Thạc sĩ						
2.	Bác sĩ chuyên khoa cấp I						
3.	Bác sĩ nội trú						
4.	Dược sĩ chuyên khoa cấp I						
5.	Tiến sĩ						
6.	Bác sĩ chuyên khoa cấp II						
7.	Dược sĩ chuyên khoa cấp II						
TỔNG CỘNG							

Biểu số số 3.7 Báo cáo kết quả giải quyết chế độ trợ cấp đối với thanh niên xung phong

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ĐỐI VỚI THANH NIÊN XUNG PHONG
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2011/QĐ-TTg VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 112/2017/NĐ-CP**

(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)

TT	Chế độ trợ cấp	Tổng số đối tượng đã được giải quyết	Số lượng hồ sơ có giấy tờ gốc	Số lượng hồ sơ không có giấy tờ gốc	Tổng số tiền đã được chi trả	Số lượng hồ sơ còn tồn đọng chưa được giải quyết	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>
I	Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg						
1	Chế độ trợ cấp hàng tháng						
2	Chế độ trợ cấp một lần đối với TNXP						
3	Chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân TNXP						
4	Chế độ bảo hiểm y tế						
5	Chế độ trợ cấp mai táng						
II	Nghị định số 112/2017/NĐ-CP						
1	Chế độ trợ cấp hàng tháng						
2	Chế độ trợ cấp một lần đối với TNXP						
3	Chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân TNXP						
4	Chế độ bảo hiểm y tế						
5	Chế độ trợ cấp mai táng						

Biểu số 3.8 Báo cáo kết quả xác nhận phiên hiệu đơn vị thanh niên xung phong**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****KẾT QUẢ XÁC NHẬN PHIÊN HIỆU ĐƠN VỊ THANH NIÊN XUNG PHONG NĂM ...***(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)*

TT	Cơ quan/đơn vị xác nhận phiên hiệu	Văn bản xác nhận phiên hiệu	Đơn vị TNXP được xác nhận phiên hiệu	Chủ trương thành lập	Cơ quan quyết định thành lập	Hình thức tổ chức	Nhiệm vụ của đơn vị	Thời gian hoạt động của đơn vị	Số lượng cán bộ quản lý và đội viên	Chế độ, chính sách tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ và khi hoàn thành nhiệm vụ	Chế độ sinh hoạt, trang bị của cán bộ quản lý, đội viên	Chế độ tiền công, tiền lương của cán bộ quản lý, đội viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ghi chú:

1. Chế độ, chính sách tại thời điểm thực hiện nhiệm vụ và khi hoàn thành nhiệm vụ: Là chế độ tiền công, tiền lương, phụ cấp của đội viên TNXP, cán bộ phụ trách, quản lý TNXP được trả khi thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị và chế độ trợ cấp, phụ cấp sau khi hoàn thành nhiệm vụ, xuất ngũ.

2. Chế độ sinh hoạt, trang bị: Là kinh phí trợ cấp một lần ban đầu để trang bị quần áo, dép, chăn, màn, ba lô, mũ, bảo hộ lao động; các khoản kinh phí về tiền thuốc, bồi dưỡng khi ốm đau; chi phí sinh hoạt văn hóa....

Biểu số 3.9 Báo cáo thống kê tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ****BIỂU THỐNG KÊ CÁN BỘ CÔNG CHỨC LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH NIÊN***(Kèm theo Công văn số /UBND-NV ngày /.../2023 của UBND huyện)*

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Đơn vị công tác (phòng, ban,...)	Số năm làm công tác QLNN về thanh niên	Số điện thoại	Ghi chú
1							
2							
3							
4							
5							
6							